TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09/05/2022
V/v tranh chấp " ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN VIẾT XUÂN**
Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **HOÀNG XUÂN TỴ**
2. Ông **CẦM VĂN NAM**

- *Th□ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Bắc** - là thư ký Tòa án TP. B.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thùy Linh** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 09/5/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST - HNGĐ ngày 04/1/2022 về việc tranh chấp "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXX - ST ngày 05/4/2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Bà **Phạm Thúy D**, sinh năm 1994
Địa chỉ: Số nhà A, đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. ***Bị đơn***: Ông **Nguyễn Hữu Q**, sinh năm 1987
Địa chỉ: Số nhà C, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Phạm Thúy D thì bà D và ông Nguyễn Hữu Q, kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống với nhau được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, cách làm kinh tế. Ông Q không lo làm ăn mà ham chơi bời, nợ ngày càng nhiều, phải bán hết nhà đất để trả nợ. Nay vợ chồng đã sống ly thân nhau mạnh ai người đó sống. Nay tình cảm vợ chồng giữa bà D và ông Q không còn, bà D đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Q.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Q: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ly hôn, Tòa án triệu tập nhiều lần ông Q không đến tòa để làm việc, Tòa án cùng đại diện chính

quyền địa phương đến nhà để lấy lời khai thì ông Q tránh mặt, không hợp tác, không lấy được lời khai của ông Q.

+ Về con chung: Bà D khai vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Quang K, sinh ngày 27/9/2014; Nguyễn Ngọc Kh, sinh ngày 13/9/2020. Bà D yêu cầu xin nuôi cả 02 con, bà D có khả năng nuôi con và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**]. Về pháp luật tố tụng: Bà Phạm Thúy D và ông Nguyễn Hữu Q, kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND phường L, thành phố B. Nay bà D xin ly hôn mà ông Q hiện đang cư trú tại phường L, TP. B. Do đó quan hệ tranh chấp là " ly hôn " được quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

[**2**].Về pháp luật nội dung: Bà Phạm Thúy D và ông Nguyễn Hữu Q, kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND phường L, thành phố B. Nay bà D xin ly hôn mà ông Q đang cư trú tại phường L, TP. B, quan hệ tranh chấp được xác định là " ly hôn, tranh chấp về nuôi con ". Xét thấy nội dung vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con này phù hợp với các quy định tại các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, do đó căn cứ luật hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Ông Q được Tòa án đã triệu tập để xét xử hợp lệ hai lần nhưng ông Q vẫn vắng mặt, bà D thì có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 khoản 1, 2 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Q và bà D theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát thành phố B phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của hội đồng xét xử; xác định mối quan hệ tranh chấp đều đúng pháp luật. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Thúy D và cho bà D được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Q. Đề nghị giao 02 con chung tên là Nguyễn Quang K, sinh ngày 27/9/2014; Nguyễn Ngọc Kh, sinh ngày 13/9/2020 cho bà D nuôi. Bà D có khả năng nuôi con và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nên không xét.

[**3**]. Từ những tài liệu và chứng cứ nêu trên, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định và Kết luận:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thúy D và ông Nguyễn Hữu Q chung sống với nhau và có làm đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện đúng pháp luật. Trong quá trình chung sống do tính tình đôi bên không hợp nhau, vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, cách làm kinh tế. Ông Q thiếu trách nhiệm với vợ con. Đến

năm 2021 thì vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay, mạnh ai người đó sống. Khi Tòa án mời làm việc, hòa giải thì ông Q cố tình không đến, không hợp tác, Tòa án đến nhà nhiều lần không lấy được lời khai của ông Q, ông Q cố tình gây rất nhiều khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thuyết phục bà D trở về đoàn tụ với ông Q nhiều lần, nhưng bà D vẫn kiên quyết xin được ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông Q kéo dài nhiều năm qua không khắc phục được.Tình cảm vợ chồng mà bà D dành cho ông Q là không còn và rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được kết quả hạnh phúc. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà D và cho bà D được ly hôn với ông Q là có cơ sở và đúng pháp luật.

- *Về con chung:* Bà D và ông Q có 02 con chung tên là Nguyễn Quang K, sinh ngày 27/9/2014; Nguyễn Ngọc Kh, sinh ngày 13/9/2020. Hiện nay 01 cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ và 01 cháu sinh năm 2020 còn nhỏ. Xét lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, xét yêu cầu nuôi con của bà D. Do đó căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xử giao 02 con chung cho bà D nuôi. Bà D có khả năng nuôi con và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nên không xem xét.

-*Về tài sản chung, nợ chung:* Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

[**4**].*Về án phí*: Bà D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, 35, 147 k4, 227 khoản 1, 2, 273 k1 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội qui định về án phí dân sự.

1/ Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà **Phạm Thúy D** và cho bà D và ông **Nguyễn Hữu Q** được ly hôn với nhau.

2/ *Về con chung*: Xử giao 02 con chung tên là Nguyễn Quang K, sinh ngày 27/9/2014; Nguyễn Ngọc Kh, sinh ngày 13/9/2020 cho bà D nuôi. Bà D có khả năng nuôi con và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thay đổi việc nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo qui định của luật hôn nhân và gia đình.

3/ *Về án phí*: Bà **Phạm Thúy D** phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây là 300.000đ tại biên lai số

0004766 ngày 04/01/2022 của chi cục Thi hành án dân sự TP. Bảo Lộc. Bà D đã nộp đủ án phí DSST.

4/ Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND xã, phường nơi người đó cư trú theo quy định của luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Nguyễn Viết Xuân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
-VKSND tỉnh Lâm Đồng;
-VKSND Tp.B;
-THA Tp.B;
- Các đương sự;
- UBND phường L;
- Lưu.

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 09 tháng 5 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

Hội đồng xét xử sơ thẩm thành phần gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Viết Xuân**

+ Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân Tỵ và Cầm Văn Nam.

Đã tiến hành nghị án vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST- HNGĐ ngày 04/01/2022 về việc tranh chấp "*ly hôn*" giữa các đơng sự: Nguyên đơn bà Phạm Thúy Diễm và bị đơn là ông Nguyễn Hữu Quang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

+ Ý kiến hội thẩm nhân dân ông Hoàng Xuân Tỵ: Qua thẩm vấn công khai cho thấy bà Phạm Thúy Diễm và ông Nguyễn Hữu Quang chung sống với nhau và có làm đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, cách làm kinh tế. Đến năm 2021 thì vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay, mạnh ai người đó sống. Khi Tòa án mời làm việc, hòa giải thì ông Quang cố tình không đến, không hợp tác, Tòa án đến nhà nhiều lần không lấy được lời khai của ông Quang, ông Quang cố tình vắng mặt, gây rất nhiều khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thuyết phục bà Diễm trở về đoàn tụ với ông Quang nhiều lần, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Diễm vẫn kiên quyết xin được ly hôn. Tình cảm giữa bà Diễm và ông Quang là không còn. Do đó căn cứ Điều 51, 56 luật hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Diễm và cho bà Diễm được ly hôn với ông Quang. 02 con chung giao cho bà Diễm nuôi dưỡng, bà Diễm có khả năng nuôi con và không yêu cầu ông Quang cấp dưỡng nên không xem xét.

+ Ý kiến hội thẩm nhân dân ông Cầm Văn Nam và ý kiến của chủ tọa phiên tòa ông Nguyễn Viết Xuân Thống nhất với ý kiến như nêu trên.

+ Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 k1, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 147 k1, 227 k1, 2, 273 k1 Bộ luật Tố tụng Dân Sự; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội qui định về án phí dân sự, Quyết định:

1/ Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà **Phạm Thúy Diễm** cho bà Diễm và ông **Nguyễn Hữu Quang** được ly hôn với nhau.

2/ *Về con chung*: Xử giao 02 con chung tên là Nguyễn Quang Khánh, sinh ngày 27/9/2014; Nguyễn Ngọc Khánh, sinh ngày 13/9/2020 cho bà Diễm nuôi. Bà Diễm có khả năng nuôi con và không yêu cầu ông Quang cấp dưỡng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thay đổi việc nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo qui định của luật hôn nhân và gia đình.

3/ *Về án phí*: Buộc bà Phạm Thúy Diễm phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ.

4/ Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 4 vấn đề nêu trên với số phiếu đồng ý 3/3.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Xuân